

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 02/TTr-SXD ngày 05 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng (diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính; diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân; diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin; diện tích Hội trường lớn từ 100 chỗ ngồi trở lên; diện tích kho chuyên ngành) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

b) Quy định thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.



2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính (không bao gồm trường hợp là các cơ quan độc lập như Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã):

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	DT tối thiểu (m ²)	DT tối đa (m ²)
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	48	72
2	UBND các huyện, thành phố	48	120
3	UBND các xã, phường, thị trấn	48	72
4	Đơn vị sự nghiệp; các phòng ban trực thuộc UBND các huyện, thành phố	48	60

2. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân (không bao gồm trường hợp là các cơ quan độc lập như Ban tiếp công dân tỉnh):

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	DT tối thiểu (m ²)	DT tối đa (m ²)
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	18	54
2	UBND các huyện, thành phố	18	72
3	UBND các xã, phường, thị trấn	18	54

3. Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin:

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	DT tối thiểu (m ²)	DT tối đa (m ²)
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	24	48
2	UBND các huyện, thành phố	24	48
3	UBND các xã, phường, thị trấn	24	36
4	Đơn vị sự nghiệp; các phòng ban trực thuộc UBND các huyện, thành phố	24	36

4. Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên):

a) Quy mô: Được xác định theo yêu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị và được phê duyệt trong chủ trương đầu tư.

b) Tiêu chuẩn diện tích (không kể sân khấu): 0,8m²/chỗ ngồi (trường hợp không có bàn viết; 1,8m²/chỗ ngồi (trường hợp trang bị bàn viết).

5. Kho chuyên ngành (bảo quản các tài sản theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành): Do cấp có thẩm quyền quyết định trong chủ trương đầu tư theo chức năng nhiệm vụ đặc thù của từng cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập

Phân cấp các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) được ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ lĩnh vực y tế) thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

Điều 4. Xử lý chuyên tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo quy định tại Quyết định này. Trường hợp do thay đổi về cơ cấu tổ chức biên chế dẫn đến thay đổi (tăng hoặc giảm) nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cần phải điều chỉnh dự án thì Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án đầu tư cho phù hợp theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng nhưng chưa đúng (hoặc chưa đủ) theo quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định với từng trường hợp cụ thể.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm sắp xếp, bố trí, quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này và các văn bản quy định hiện hành, đảm bảo thực hiện có hiệu quả, toàn diện các nhiệm vụ của đơn vị.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để thống nhất với Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2021.



2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (64b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức